

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 35/2018/HSST
Ngày: 16 -04 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các hội thẩm nhân dân

1. Ông Nguyễn Duy Mạnh

2. Ông Phạm Quốc Vương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Sơn- Kiểm sát viên .

Ngày 16/4/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bình Phước xét xử vụ án hình sự thụ lý số 39/2018/TLST-HS ngày 19/3/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 40A/2018/QĐXXST-HS ngày 28/3/2018 đối với bị cáo:

Lữ Xuân P, sinh năm 1976 tại Bình Dương; Tên gọi khác: H; Nơi cư trú: tổ V, ấp X, xã K, huyện M, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lữ Văn L, sinh năm 1929 và bà Nguyễn Thị X (chết); Bị cáo có vợ tên Lê Thị D (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 10/6/1996 bị TAND huyện Y, tỉnh Sông Bé xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội : “Gây rối trật tự công cộng”; Ngày 12/9/2013 bị Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc do có hành vi gây rối trật tự công cộng và hủy hoại tài sản với thời gian là 24 tháng; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/3/2018 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Lữ Văn C, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ V, ấp Y, xã K, huyện M, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ E, ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Ông Phạm Văn C, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: tổ N, ấp Y, xã K, huyện M, tỉnh Bình Phước.

Bà: Quảng Thị P sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ G, ấp I, xã K, huyện M, tỉnh Bình Phước.

Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ XY, ấp P, xã K, huyện M, tỉnh Bình Phước.

Ông Võ Văn B, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ XY, ấp X, xã K, huyện M, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/8/2017, chị Trần Thị Thùy L bị đau ruột thừa nên gia đình đưa đến bệnh viện đa khoa thị xã B cấp cứu, lúc này chị L có đưa cho bà Võ Thị L1 là mẹ ruột của L số nữ trang gồm: 03 chiếc nhẫn, một sợi dây chuyền, 01 mặt dây chuyền tất cả đều là vàng bạch kim (hiệu Italy). Sau đó bà Lê đưa toàn bộ số nữ trang nói trên cho ông Lữ Văn T nhờ ông đem về nhà của ông T cất hộ. thì ông T đồng ý. Ông T đem toàn bộ số nữ trang nói trên về nhà của mình tại ấp X, xã K, huyện M và để vào trong hộp thuốc nhãn hiệu Jex Pentan Mac để trên tủ đựng thức ăn tại phòng bếp của gia đình.

Khoảng 16 giờ ngày 15/8/2017, Lữ Xuân P là em ruột của ông T tìm thuốc để uống thấy có 3 hộp thuốc để trên tủ đựng thức ăn ở bếp, Quang thấy bên trong hộp thuốc có số nữ trang mà ông T đem cất nên P đã lấy toàn bộ số nữ trang trên, ngày 16/8/2017 P đem số nữ trang lấy được đem đến tiệm vàng K thuộc khu phố P, Phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước bán được số tiền 13.127.000đ, P đã sử dụng số tiền trên, còn lại 99.000đ.

Bản cáo trạng số 62/CTr-VKS ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn M truy tố bị cáo Lữ Xuân P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lữ Xuân P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lữ Xuân P mức án từ 16 đến 18 tháng tù
Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án : Bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi vi phạm pháp luật của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, qua phân xét hỏi công khai tại phiên tòa có đầy đủ cơ sở khách quan xác định vào ngày 15/8/2017 bị cáo Lữ Xuân P đã thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của chị Trần Thị Thùy L gồm 03 chiếc nhẫn, 01 sợi dây chuyền có cả mặt dây chuyền bằng bạch kim sau đó đem bán được số tiền 13.127.000đ (mười ba triệu một trăm hai mươi bảy ngàn đồng), bị cáo đã sử dụng số tiền trên, còn lại 99.000đ.

Bị cáo và bị hại là anh em ruột ở chung nhà với nhau, khi thấy được số nữ trang để trong nhà của ông T bị cáo ý thức được đó là tài sản của ông T. Lợi dụng chỗ là người thân trong gia đình, tài sản lại là vật nhỏ gọn dễ lấy và không bị người khác phát hiện nên bị cáo nảy sinh lòng tham lấy số tài sản của chị L do ông T đem về cất hộ sau đó bán lấy tiền tiêu xài.

Hành vi lợi dụng khi không có ai nhìn thấy bị cáo đã lấy tài sản mà không phải của mình đem cất giấu là dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản, trong trường hợp này coi như tội phạm đã hoàn thành.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 498/KL-HĐĐGTTTHS ngày 22/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M số nữ trang của chị L có giá trị tại thời điểm là 27.550.500đ.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lữ Xuân P về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ.

Đối với chủ tiệm vàng K là bà Ngô Thị S mua số vàng mà P chiếm đoạt của chị L, nhưng về mặt ý thức, bà S không biết nguồn gốc tài sản do P trộm cắp mà có nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà S.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bởi hành vi của mình. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình với lỗi cố ý. Do đó, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho chị L số tiền 25.000.000đ nên bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xét về nhân thân: Ngày 10/6/1996, bị TAND huyện B, tỉnh Sông Bé xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội Gây rối trật tự công cộng. Ngày 12/9/2013, bị Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục do có hành vi gây rối trật tự công cộng và hủy hoại tài sản với thời gian là 24 tháng. Tính đến ngày bị cáo trộm tài sản bị cáo đã chấp hành xong bản án và quyết định xử phạt hành chính và thuộc trường hợp đã được xóa án tích và không có tiền sự. Tuy nhiên, điều đó thể hiện bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật nên cần có hình phạt tương xứng đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn M đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M có thu giữ của bị cáo P số tiền 99.000đ là tiền bị cáo sau khi bán tài sản đã tiêu xài còn lại, ngoài ra có thu giữ tiền của anh Nguyễn Tiến L2 số tiền 150.000đ- là số tiền bị cáo P là cho L2, thu của anh Nguyễn Minh Long E số tiền 200.000 – là số tiền bị cáo P cho E, nguồn gốc số tiền trên là P bán tài sản trộm cắp mà có. Như vậy, có căn cứ

xác định số tiền còn lại của P cùng với tiền do L2, E giao nộp lại số tiền 449.000đ là tiền thu lợi bất chính cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền Cơ quan Công an thu giữ của ông Phạm Văn C số tiền 550.000đ, bà Quảng Thị P số tiền 340.000đ, bà Nguyễn Thị Thanh N 140.000đ, ông Võ Văn B số tiền 65.000đ, tổng cộng 1.095.000đ. Tổng số tiền trên là do bị cáo P mua đồ dùng, ăn uống và tiền phòng trọ mà P đã sử dụng từ số tiền bán tài sản của chị L nhưng chị L đã nhận được số tiền bồi thường của gia đình bị cáo, do vậy cần thiết trả lại số tiền này cho ông C, bà P, bà N và ông B.

Đối với 01 ví đựng tiền màu đen, một điện thoại di động hiệu Forme màu đen là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến vụ án cần trả cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu LV Mobile màu đen do Trần Văn C giao nộp, điện thoại này là do P mua cho C từ số tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

01 vỏ hộp thuốc màu xanh, có chữ Jex Pentan Max, kích thước 5,5cm x 10cm, bên trong có 01 lọ thủy tinh nắp màu trắng do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với vật chứng khác, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hón M đã xử lý đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lữ Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thùy L vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông T và chị L không yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lữ Xuân P phạm: “Tội trộm cắp tài sản”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Lữ Xuân P 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời gian tính từ ngày 28/3/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 449.000đ (bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước một điện thoại di động hiệu LV Mobile màu đen.

Trả lại cho bị cáo Lữ Xuân P một ví đựng tiền màu đen, một điện thoại di động hiệu Forme màu đen.

Trả cho ông Phạm Văn C số tiền 550.000đ (năm trăm năm mươi ngàn đồng), bà Quảng Thị P 340.000đ (ba trăm bốn mươi ngàn đồng), bà Nguyễn Thị Thanh N 140.000đ (một trăm bốn mươi ngàn đồng), ông Võ Văn B 65.000đ (sáu mươi lăm ngàn đồng).

01 vỏ hộp thuốc màu xanh, có chữ Jex Pentan Max, kích thước 5,5cm x 10cm, bên trong có 01 lọ thủy tinh nắp màu trắng.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0005535 ngày 18/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn M, tỉnh Bình Phước).

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Lữ Xuân P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Cẩn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNV CA Hớn Quản;
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thành Liêm